

NGHỊ QUYẾT**HỘI NGHỊ TỈNH ỦY LẦN THỨ TƯ, KHÓA XXII
về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
định hướng một số dự án quan trọng tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam
giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030**

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI THỜI GIAN QUA

Thời gian qua, công tác phát triển kinh tế - xã hội miền núi đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề này vào tình hình thực tế của địa phương và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt.

Giai đoạn 2016 - 2020, đã tập trung nguồn vốn đầu tư khá cao cho khu vực miền núi từ các chương trình, dự án và cơ chế chính sách hơn 9.350 tỷ đồng, tăng 1,2 lần so giai đoạn 2010 - 2015, chiếm 36,59% tổng vốn đầu tư của toàn tỉnh. Trong đó, một số chương trình trọng điểm đầu tư phát triển miền núi theo các nhóm dự án thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020 hơn 595 tỷ đồng, thông qua việc sắp xếp bố trí dân cư và phát triển sản xuất, đã góp phần tích cực cải thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước thay đổi phương thức sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đóng góp đáng kể vào thành tựu chung của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là: Kinh tế - xã hội miền núi phát triển vẫn còn chậm, chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế vùng tại các địa phương; đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn thiếu và yếu; nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nơi tập tục lạc hậu vẫn còn diễn ra. Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, tổ chức về thực hiện chính sách dân tộc thiểu số (DTTS), phát triển kinh tế - xã hội miền núi chưa được đầy đủ; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong một bộ phận cán bộ và Nhân dân. Chất lượng nguồn nhân lực còn yếu, đội ngũ cán bộ cơ sở ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu...

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng bộ và cả hệ thống chính trị trên cơ sở vận dụng đúng đắn, sáng tạo các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội vào tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán của người dân.

- Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào DTTS. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tăng cường đồng thuận xã hội; phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và lòng tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

- Tích hợp các chính sách để tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi; bảo đảm và nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư; ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn của vùng đồng bào DTTS và miền núi.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tối đa mọi tiềm năng, lợi thế của miền núi và huy động hiệu quả các nguồn lực để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân gắn với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới (NTM), bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên, khoáng sản, môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS và miền núi. Tập trung xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Thu hẹp dần khoảng cách về mức thu nhập của vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh so với bình quân chung của cả nước; đảm bảo cho người dân có thu nhập ổn định từ phát triển kinh tế rừng, kinh tế vườn, kinh tế trang trại. Tập trung nguồn lực để sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng nguy cơ cao về thiên tai; đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sản xuất, sinh hoạt và y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu đến năm 2025

- Tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi giảm xuống còn dưới 10%.
- Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 50% lao động xã hội; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 69%.

- Số xã đạt chuẩn NTM trên 50 xã. Phần đầu có trên 80% thôn triển khai xây dựng thôn NTM kiểu mẫu; trong đó, có ít nhất 50% số thôn được công nhận đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Số hộ được bố trí sắp xếp dân cư cơ bản hoàn thành (tổng số 7.800 hộ, trong đó ưu tiên 2.375 hộ dân vùng thiên tai và 25 hộ dân khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ); hoàn thành xóa nhà tạm cho các hộ dân khu vực miền núi.

- Có trên 99% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; cơ bản hoàn thành nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông kết nối giữa đồng bằng và miền núi, giữa các huyện miền núi với nhau.

- Có 80% - 90% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đồng bào DTTS, miền núi được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục không chế dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế.

- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; trên 95% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

b. Mục tiêu đến năm 2030

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 8%.

- Thu nhập bình quân đầu người bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 40% lao động xã hội; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 60%.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 70%.

- Số xã đạt chuẩn NTM trên 66 xã. Phần đầu có ít nhất 60% số thôn được công nhận đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Có trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi có kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Hoàn thành việc bố trí sắp xếp và ổn định dân cư gắn với quy hoạch xây dựng NTM và đảm bảo phòng tránh thiên tai; 100% số hộ dân đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Có 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 65% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- 100% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế.

III. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN MỘT SỐ DỰ ÁN QUAN TRỌNG TẠI VÙNG TÂY CỦA TỈNH (09 HUYỆN MIỀN NÚI)

Để tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào vùng DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh; trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, cần tập trung thực hiện tốt 05 nhóm dự án quan trọng sau đây:

1. Nhóm dự án bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển kinh tế rừng và lâm sản ngoài gỗ

Tập trung nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển về lâm nghiệp phù hợp gắn với thực hiện đề án trồng 1 tỷ cây xanh, đề án hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên hiện có; bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị của vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; sớm triển khai thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua chống mất rừng và suy thoái rừng (REED⁺); thúc đẩy quản lý bền vững rừng sản xuất; cải thiện sinh kế cho người dân sống ở miền núi và phụ thuộc vào rừng; tăng mức thuê khoán, quản lý, bảo vệ rừng ngoài mức chi trả dịch vụ môi trường rừng để bảo đảm đạt mức tối thiểu 500.000 đồng/ha/năm. Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý rừng cộng đồng gắn với cải thiện sinh kế cho người dân.

Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS, công nghệ thông tin, phương tiện, trang thiết bị hiện đại phục vụ đánh giá, giám sát tài nguyên rừng và theo dõi diễn biến rừng hằng năm, xây dựng bản đồ rừng, đầu tư thiết bị chống cháy, chống chặt phá rừng.

Có cơ chế thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển lâm nghiệp theo hướng liên kết với người dân phát triển kinh tế rừng theo chuỗi giá trị từ khâu trồng, tiêu thụ sản phẩm gắn với chế biến sâu; trồng rừng gỗ lớn theo hướng thâm canh gắn với cấp chứng chỉ rừng; tăng cường công tác quản lý giống để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục bổ sung xây dựng cơ chế, chính sách mới về phát triển sâm Ngọc Linh và dược liệu, xây dựng vườn bảo tồn và phát triển cây dược liệu quốc gia; bảo tồn, phát triển cây Quế Trà My tại các địa phương có khả năng phát triển; việc phát triển dược liệu dưới tán rừng phải gắn với bảo vệ rừng.

Nghiên cứu, rà soát, bố trí lại các loài cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, thích ứng với biến đổi khí hậu để từng bước hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ nhu cầu xuất khẩu một số loại nông sản, dược liệu. Bảo vệ, khai thác bền vững và hiệu quả đối với việc phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng.

2. Nhóm dự án sắp xếp dân cư, ổn định chỗ ở phòng tránh thiên tai và biến đổi khí hậu

Tiếp tục tập trung thực hiện bố trí, sắp xếp dân cư, ổn định sản xuất gắn với quy hoạch xây dựng NTM; cơ bản hoàn thành việc sắp xếp ổn định dân cư khu vực miền núi, trong đó tập trung ưu tiên bố trí, sắp xếp dân cư để phòng tránh thiên tai nhằm ổn định về chỗ ở, đảm bảo an toàn, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, cải thiện sinh kế, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội khu vực miền núi.

Xây dựng các điểm định canh định cư tập trung ở những nơi có điều kiện, phù hợp với địa hình tự nhiên, gần nơi canh tác sản xuất, đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất để người dân đến nơi ở mới có điều kiện sống ổn định lâu dài, hình thành vùng sản xuất sản phẩm hàng hóa ở các xã sau tái thiết do bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Các địa phương có trách nhiệm lựa chọn và bố trí dân cư tại các điểm tập trung phải có đủ điều kiện đất ở, đất sản xuất, đảm bảo quỹ đất dự phòng đáp ứng nhu cầu về gia tăng dân số, thuận lợi trong việc kết nối các hạ tầng điện, giao thông, y tế, giáo dục, nguồn nước; phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán sinh hoạt của người dân... Nhà nước hỗ trợ kinh phí trực tiếp đến hộ dân theo định mức bảo đảm công khai, minh bạch. Có cơ chế hỗ trợ kinh phí mua vật liệu thay thế vật liệu gỗ để làm nhà sắp xếp, ổn định dân cư.

Việc xây dựng các công trình công cộng như trường học, trạm y tế... cần phải đảm bảo việc sử dụng và gắn với phòng tránh thiên tai tại chỗ.

3. Nhóm dự án về phát triển kết cấu hạ tầng trọng điểm (giao thông, thủy lợi, công nghệ thông tin...)

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên cơ sở huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thực hiện có hiệu quả nhằm tạo nền tảng, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; trong đó, ưu tiên đầu tư các công trình có tính đột phá, lan tỏa, nhất là hạ tầng giao thông, điện được kết nối liên vùng theo trục Tây Bắc - Tây Nam. Chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu khác như hạ tầng công nghệ thông tin, thủy lợi, nước sạch đảm bảo yêu cầu mô hình xây dựng NTM kiểu mẫu.

Ưu tiên đầu tư ở những khu vực đã hình thành vùng sản xuất theo hiện trạng nhưng chưa có đường giao thông đến vùng nguyên liệu.

4. Nhóm dự án phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch cộng đồng

Tập trung đẩy mạnh việc chỉnh trang, cải tạo vườn tạp, rà soát và bố trí các loài cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị, chăn nuôi an toàn sinh học và kiểm soát môi trường, phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu từng vùng sinh thái để tiến

tới đầu tư phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại theo hướng hữu cơ, xanh - sạch - đẹp, an toàn sinh học, gắn với du lịch sinh thái làng quê. Có cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với vùng sản xuất tập trung, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến.

Bảo tồn, phát triển các ngành nghề truyền thống, gắn phát triển làng nghề với phát triển du lịch, tạo ra hướng phát triển mới đối với làng nghề ở các huyện miền núi của tỉnh. Ưu tiên và tập trung nguồn lực để hỗ trợ đầu tư hạ tầng, thiết bị để khôi phục và phát triển các làng nghề; hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm làng nghề, phát triển sản phẩm OCOP gắn với các loại hình du lịch của đồng bào DTTS.

Đẩy mạnh sự kết hợp giữa các giá trị tự nhiên và giá trị văn hóa truyền thống bản địa để phát triển du lịch, góp phần bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, phát triển các mô hình làng du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, dịch vụ du lịch homestay, làng nông nghiệp - thủ công mỹ nghệ truyền thống...

5. Nhóm dự án về phát triển các khu du lịch, nghỉ dưỡng chất lượng cao

Trên cơ sở khai thác các loại hình du lịch, tận dụng lợi thế các tuyến giao thông kết nối đã hình thành theo trục Đông - Tây và trục Bắc - Nam, tận dụng lợi thế về cảnh quan, môi trường, văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS, hình thành các khu nghỉ dưỡng chất lượng cao gắn với hình thức du lịch sinh thái, trải nghiệm, mạo hiểm.

Đẩy mạnh việc liên kết, hợp tác xây dựng phát triển các tuyến du lịch trong nông nghiệp, nông thôn với các loại hình như du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, du lịch làng nghề, du lịch vùng sâu, du lịch vùng dược liệu, du lịch trải nghiệm nghề nông lâm thủy sản; tạo điều kiện phát triển du lịch giữa các địa phương trong liên kết vùng.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền từ tỉnh đến cơ sở nhằm nâng cao nhận thức, hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi thông qua việc thực hiện các nhóm dự án quan trọng chủ lực, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc triển khai thực hiện; khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại của người dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác sắp xếp dân cư, phát triển kinh tế - xã hội miền núi, về tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả các nhóm dự án quan trọng tại các huyện miền núi. Từng huyện, xã miền núi căn cứ

vào tình hình thực tế của địa phương mình để đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả, phù hợp nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt kết quả cao nhất.

2. Quy hoạch, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai gắn với xây dựng NTM

Trên cơ sở quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, tiếp tục rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các nội dung thuộc lĩnh vực ngành nông nghiệp, sản phẩm cụ thể gắn với cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư tại các huyện miền núi.

Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, cây cao su, cây nguyên liệu; ưu tiên dành quỹ đất cho các dự án về đầu tư phát triển nông nghiệp và nông thôn, du lịch tại các huyện miền núi; đồng thời, loại bỏ những nội dung quy hoạch không có tính khả thi, công trình, dự án đã phê duyệt có sử dụng đất nhưng không triển khai thực hiện.

Tiếp tục rà soát các điểm dân cư thưa thớt, bức xúc, thiếu đất sản xuất, nước sinh hoạt, nguy cơ cao về thiên tai để sắp xếp dân cư ổn định, an toàn, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và có tính định hướng, tầm nhìn về gia tăng dân số; đảm bảo điều kiện sản xuất và đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM, phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về ưu đãi đầu tư

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chương trình dự án đã triển khai tại miền núi và nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách mới, đặc thù miền núi để tạo điều kiện, tạo động lực hỗ trợ miền núi phát triển. Tích hợp các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để tập trung nguồn lực đầu tư cho khu vực miền núi và giao cho một cơ quan làm đầu mối để triển khai thực hiện. Nghiên cứu để lại nguồn thu từ thủy điện, công nghiệp khai thác khoáng sản một cách hợp lý để các huyện miền núi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại chỗ.

Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Chính phủ về công tác dân tộc và phát triển miền núi giai đoạn 2021 - 2030, các dự án hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; chú trọng bố trí đủ vốn đối ứng của địa phương để triển khai thực hiện đối với các chương trình, dự án có quy định.

Đẩy mạnh hơn nữa các cơ chế ưu đãi để thu hút các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đầu tư vào miền núi, nhất là các doanh nghiệp giải quyết được nhiều lao động tại chỗ.

4. Phát triển sản xuất thông qua các dự án phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp theo chuỗi gắn với thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững

Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất khu vực miền núi thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030.

Rà soát, bố trí lại các vùng trồng cây công nghiệp (trong đó có cây cao su), cây ăn quả, dược liệu, lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao, tích hợp vào quy hoạch kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ ở cơ sở về các lĩnh vực quản lý, khuyến nông, khuyến lâm để giúp đỡ bà con nông dân phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Lồng ghép, ưu tiên và từng bước tăng chi ngân sách hợp lý cho việc thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến công tác DTTS, phát triển miền núi. Đẩy nhanh tiến độ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho cộng đồng, hộ gia đình để quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế rừng, hạn chế tối đa việc đốt nương làm rẫy. Nhân rộng diện tích rừng trồng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ để nâng cao giá trị kinh tế rừng. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng một số dự án quan trọng có tính kết nối liên vùng, có động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả gắn với quá trình "*chuyển đổi số, kinh tế số*" trong quản lý nông nghiệp. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; nghiên cứu chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu dùng. Xây dựng và phát triển các loại hình hợp tác, HTX nông nghiệp kiểu mới, khởi nghiệp.

5. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn trong và ngoài nước để phát triển kết cấu hạ tầng huyết mạch các huyện miền núi; đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, nâng cấp các tuyến đường liên xã theo tiêu chuẩn phù hợp với quy mô cấp đường của nông thôn mới; phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, điện, thủy lợi, nước sạch... đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực. Mở rộng không gian đô thị các thị trấn ở những nơi có điều kiện. Thúc đẩy và phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để sử dụng các nguồn vốn đầu tư có trọng tâm, đạt hiệu quả cao. Kêu gọi, thu hút đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) và các hình thức đầu tư khác phù hợp.

Triển khai và thực hiện kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT), đảm bảo đến năm 2025 có trên 99% số thôn trên địa bàn có đường ô tô đến trung tâm thôn; tiếp tục triển khai hỗ trợ các địa phương phát triển kết cấu hạ tầng giao thông gắn với phát triển vùng nguyên liệu. Xây dựng các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm nghiệp ở những nơi có điều kiện, hướng đến xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP đặc trưng của miền núi; khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, tạo ra hướng phát triển mới đối với làng nghề và du lịch ở miền núi Quảng Nam.

6. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm cho lao động khu vực miền núi

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách của Trung ương về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2021 - 2030. Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp trên địa bàn từng huyện miền núi theo hướng đảm bảo số lượng giáo viên, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy ở tất cả các cấp học. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các trường dân tộc nội trú và mở rộng các trường bán trú; nghiên cứu hình thành các trường trung học phổ thông vừa học vừa làm phù hợp với điều kiện miền núi. Thực hiện phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; xây dựng, thực hiện chương trình định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông gắn với thị trường lao động. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới; phát triển mô hình trường dạy nghề gắn với nhu cầu của các doanh nghiệp; trong đó, ưu tiên giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên DTTS, vùng sâu, vùng xa, biên giới sau khi tốt nghiệp ra trường. Tiếp tục thực hiện tốt công tác xuất khẩu lao động.

Thực hiện tốt công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; chấm dứt tình trạng hôn nhân cận huyết thống, tình trạng tảo hôn trong đồng bào DTTS.

Tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của vùng đồng bào DTTS, cảnh quan thiên nhiên, gắn với phát triển kinh tế du lịch. Thường xuyên thực hiện việc thu thập, sưu tầm các hiện vật văn hóa của đồng bào các dân tộc; tuyên truyền, vận động chống các biểu hiện mê tín, dị đoan, xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu; đầu tư xây dựng các điểm sinh hoạt văn hóa, vui chơi thể thao, giải trí, phát triển mạng lưới phát thanh, truyền hình tại các thôn, xã; nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng NTM.

7. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn, miền núi, nhất là theo dõi, giám sát, đánh giá, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực cho chính quyền địa phương, đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành, chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn.

Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu tiềm năng, lợi thế của khu vực miền núi Quảng Nam, những công trình, dự án và các chính sách ưu tiên nhằm thu hút đầu tư. Xây dựng quy chế phối hợp của tỉnh Quảng Nam với các tỉnh lân cận và giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh để

tăng cường phối hợp, mở rộng các hình thức liên kết, tạo sức mạnh tổng hợp đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án chủ yếu, trọng điểm ở khu vực miền núi.

8. Củng cố hệ thống chính trị và bảo đảm quốc phòng, an ninh

Nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống chính trị, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền ở cơ sở. Làm tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người DTTS. Thực hiện luân chuyển cán bộ từ huyện xuống xã, từ xã lên huyện và giữa các xã trong huyện; luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn chủ chốt của các huyện miền núi có thời gian công tác ở các sở, ngành của tỉnh, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở miền núi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả hơn nữa đối với công tác kết nghĩa, giúp đỡ các huyện, xã đặc biệt khó khăn, tập trung vào việc từng bước hỗ trợ các điều kiện cần thiết để cán bộ xã, thôn và Nhân dân trong xã tự vươn lên; nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, làm tốt công tác vận động quần chúng, đoàn kết dân tộc.

Chủ động, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, phát huy vai trò người có uy tín, già làng trong đồng bào DTTS, ngăn chặn kịp thời các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết toàn dân, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để lừa gạt, lôi kéo, kích động chống phá Nhà nước. Tăng cường các biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng khai thác lâm, khoáng sản trái phép; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn miền núi.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh và các huyện miền núi xem đây là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng cần ưu tiên hành động; xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện sát đúng với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, hằng năm có bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành những cơ chế, chính sách để thực hiện. Chỉ đạo các ngành, địa phương liên quan tích cực triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục củng cố, kiện toàn và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về xây dựng, phát triển vùng Tây tỉnh Quảng Nam. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công đứng điểm chỉ đạo các địa phương miền núi thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Nghị quyết này.

4. Các cơ quan thông tấn, báo chí thường xuyên thông tin, tuyên truyền về tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, về vai trò, vị

trí của các nhóm dự án quan trọng vùng Tây tỉnh Quảng Nam để tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

5. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết; tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh.

Nơi nhân:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban xây dựng Đảng TW, VPTW Đảng (b/c),
- Văn phòng Chính phủ,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Phan Việt Cường